

FAMOUS BUILDINGS

EXAMPLE: *The Eiffel Tower was built in Paris
between 1887 and 1889 by Gustav Eiffel.*

Rome	1887–9	Gustav Eiffel
Paris	447–432 BC	Jørn Utzon
Bilbao	1959–73	Antonio Gaudí
Athens	AD 70–82	Pericles
Barcelona	1997	Frank Gehry
Sydney	1884–the present	Vespasian

PRONUNCIATION

Write these dates as words.

EXAMPLE: 1173 – *eleven seventy-three*

1 1292 2 1569 3 1718 4 1890 5 1963

 Listen and check.

PRONUNCIATION

Write these dates as words.

EXAMPLE: 1173 – *eleven seventy-three*

1 1292 2 1569 3 1718 4 1890 5 1963

 Listen and check.

Recording script and answers

- 1 twelve ninety-two
- 2 fifteen sixty-nine
- 3 seventeen eighteen
- 4 eighteen ninety
- 5 nineteen sixty-three

PRONUNCIATION

Cách Đọc Năm Trong Tiếng Anh

* Trong tiếng Anh, hầu hết các năm được đọc bằng cách tách đôi năm đó thành 2 phần, đọc như đọc 2 số đếm. Ví dụ:

1066 - ten sixty-six

1750 - seventeen fifty

1826 - eighteen twenty-six

1984 - nineteen eighty-four

2017 - twenty seventeen

2010 - two thousand and ten

PRONUNCIATION

Cách Đọc Năm Trong Tiếng Anh

* Năm đầu tiên của mỗi thế kỷ sẽ được đọc như sau:

1400 – fourteen hundred

1700 – seventeen hundred

2000 – two thousand

* 9 năm đầu tiên của một thế kỷ sẽ được đọc như sau:

1401 – fourteen oh one

1701 – seventeen oh one

2001 – two thousand and one

PRONUNCIATION

Cách Đọc Năm Trong Tiếng Anh

* Cách nói 1 thập kỷ (10 năm) như sau:

1960 -1969 – 1960s – The '60s – 'the sixties'.

1980 -1989 – 1980s – The '80s – 'the eighties'.

2000 – 2009 – The 2000s – 'the two thousands'

GRAMMAR

Passive Voice (Câu bị động)

1. Định nghĩa

Câu bị động (Passive Voice) là câu được dùng khi muốn nhấn mạnh đến đối tượng chịu tác động của hành động hơn là hành động đó. Thì của câu bị động phải tuân theo thì của câu chủ động.

Eg.,

Peter

broke

the bottle.



Chủ thể thực hiện hành động



Vật chịu tác động của hành động

The bottle

was broken

by Peter.



Vật chịu tác động của hành động



Người thực hiện hành động

GRAMMAR

2. Cấu trúc câu bị động

Câu chủ động:

Subject + Verb + Object

Câu bị động:

Subject + Verb + By Object

Eg., Mary types letters in the office.

(Đây là câu chủ động và **Mary** là chủ ngữ - subject trong câu, là chủ thể thực hiện hành động).

-> Letters are typed in the office by Mary.

(Đây là câu bị động và **letters** trở thành chủ ngữ - subject trong câu. Sử dụng **by** để đề cập đến người thực hiện hành động là **Mary**).

GRAMMAR

3. Các bước chuyển đổi sang câu bị động

- **Bước 1:** Xác định chủ ngữ, động từ và tân ngữ trong câu chủ động.

Eg., Yesterday I Painted my room. (Active voice)

S V O

- **Bước 2:** Xác định thì trong câu chủ động rồi chuyển tân ngữ của câu chủ động thành chủ ngữ của câu bị động. Tiếp theo, chuyển động từ về thể bị động, chuyển động từ thành dạng **“to be + Ved/P2”**. Lưu ý chia động từ **“to be”** theo đúng thì của câu chủ động, giữ nguyên cách chia dạng số ít, số nhiều theo chủ ngữ.

-> My room was painted

S V bị động

GRAMMAR

3. Các bước chuyển đổi sang câu bị động

- **Bước 3:** nếu chủ ngữ trong câu chủ động xác định thì hãy chuyển thành tân ngữ trong câu bị động đồng thời thêm “**by**” phía trước. Các chủ ngữ không xác định thì có thể bỏ qua, ví dụ them, people...

-> My room was painted by me yesterday.

S V bị động O

Eg., I planted a tree in the garden.

S V O

-> A tree was planted in the garden by me

S V O

GRAMMAR

3. Cấu trúc câu bị động với thì Hiện tại đơn và quá khứ đơn.

3.1 Hiện tại đơn

<u>Câu chủ động</u>	<u>Câu bị động</u>
S + V(s/es) + O <i>Eg., Jane buys oranges in the supermarket.</i>	S + am/is/are + VP2/ed + by O => Oranges are bought in the supermarket by Jane



GRAMMAR

3. Cấu trúc câu bị động với thì Hiện tại đơn và quá khứ đơn.

3.2 Quá khứ đơn

<u>Câu chủ động</u>	<u>Câu bị động</u>
S + Ved/PI + O <i>Eg., Jane bought oranges in the supermarket.</i>	S + was/were + VP2/ed + by O => Oranges were bought in the supermarket by Jane.



GRAMMAR

4. Một số lưu ý với Câu bị động.

- Có một số động từ sẽ không dùng ở dạng bị động: **cry, die, arrive, disappear, wait, hurt...**
- Trường hợp trong câu chủ động có 2 tân ngữ: Các bạn có thể chọn một trong hai tân ngữ làm chủ ngữ chính cho câu bị động (ưu tiên tân ngữ chỉ người) hay có thể chuyển thành 2 câu bị động.

Eg., He gave me a banana yesterday.

⇒ **Bị động:** I was given a banana yesterday by him.

A banana was given to me yesterday.



GRAMMAR

4. Một số lưu ý với Câu bị động.

- Trong câu chủ động có **trạng ngữ chỉ nơi chốn**, khi chuyển sang câu bị động thì phải đặt trạng ngữ chỉ nơi chốn trước **by + tân ngữ**.

Eg., Jin bought oranges **at market**.

→ Oranges were bought **at market by Jin**.

- Đối với những câu chủ động có **trạng ngữ chỉ thời gian**, khi chuyển sang câu bị động thì đặt trạng ngữ chỉ thời gian sau **by + tân ngữ**.

Eg., Jane used the computer **ten hours ago**.

→ The computer was used **by Jane ten hours ago**.



GRAMMAR

4. Một số lưu ý với Câu bị động.

- Nếu câu chủ động có cả **trạng ngữ chỉ nơi chốn và trạng ngữ chỉ thời gian**, khi chuyển sang câu bị động thì tuân theo quy tắc:

S + to be + Ved/P2 + địa điểm + by + tân ngữ + thời gian

Eg., Ms.Lan threw the garbage in front of my home last night.

→ The garbage was thrown in front of my home by Ms.Lan last night.

GRAMMAR

4. Một số lưu ý với Câu bị động.

- Khi chủ ngữ trong câu chủ động là phủ định như **no one, nobody, none of...** thì khi chuyển sang câu bị động, ta chia động từ bị động ở dạng phủ định.

Eg., **No one** can wear this blue dress

→ This blue dress **cannot be worn**.

- Nếu là người hoặc vật trực tiếp gây ra hành động thì dùng '**by**', gián tiếp gây ra hành động thì dùng '**with**'.

Eg., The rabbit was shot **with the gun**.

The rabbit was shot **by the hunter**.



GRAMMAR


Complete these sentences with the verb in brackets in the present simple passive or past simple passive.

- 1 When Paul arrived at the White House he (take) *was taken* to see the President.
- 2 My watch (make) by a factory in Switzerland.
- 3 A library is a place where books (borrow)
.....
- 4 Kim's bedroom (paint) last month.
- 5 Their house (sell) for £250,000.
- 6 The Houses of Parliament (build) more than 150 years ago.
- 7 Children (teach) in a school.
- 8 The flat (buy) for her by her father.

GRAMMAR

Make sentences in the passive using A, B and C.

EXAMPLE: *The song 'Imagine' was sung by John Lennon.*

A	B	C 
1 The song 'Imagine'	stop	by J. K. Rowling.
2 Spanish	give	in sweet shops.
3 The computer	win	to swim by my father.
4 The <i>Harry Potter</i> books	sing	by Brazil in 2002.
5 Presents	sell	in Peru.
6 Spaghetti	teach	by John Lennon.
7 I	invent	on birthdays.
8 Chocolate	eat	by Charles Babbage.
9 The World Cup	speak	all over the world.
10 The car	write	by the police.

GRAMMAR

Complete the article about the London Eye with the verbs in brackets in either the active or passive form.

The London Eye is one of the most popular attractions in London, and it (0) is visited (visit) by people from all over the UK and the world. It (1) (design) by David Marks and Julia Barfield for a competition which (2) (organise) by a British newspaper in 1994. The newspaper (3) (want) a new London building to celebrate the year 2000.

The Eye is 135 metres tall and it is the largest observation wheel in the world. Up to 800 people (4) (carry) on it at any one time. Marks and Barfield (5) (design) and (6) (build) the Eye in less than 16 months. More than 1,700 people (7) (work) on building the London Eye and much of it (8) (build) in other countries. The wheel (9) (develop) in the Netherlands. Experts in the Czech Republic and Italy (10) (make) some of the metal parts. The capsules which the people sit in (11) (make) in the French Alps and the glass (12) (produce) in Italy.